

# Cuộc chiến tranh bằng không quân và việc sử dụng vũ khí hoá học của Mỹ ở Lào trong những năm 1964 - 1971

NGUYỄN ĐỨC HOÀ\*

Vào năm 1961, khi lên làm tổng thống, Kennedy đã dành cả mấy tháng đầu năm 1961 để nghiên cứu tìm ra giải pháp cho vấn đề Lào vì Lào vẫn là một trong những mối quan tâm hàng đầu đối với Mỹ<sup>(1)</sup>. Do không thể đem quân đội tham chiến trực tiếp trong cuộc chiến tranh “đặc biệt” này mà phải “Lào hoá chiến tranh”, nên việc tiến hành chiến tranh bằng không quân ở Lào có tầm quan trọng sống còn đối với Mỹ. Sau thời kỳ tổng thống Kennedy, chính quyền Giôn-xơn dần dần tăng cường các hoạt động không quân ở Lào suốt mùa xuân và mùa hè năm 1964 như là bước mở đầu cho việc ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hoà<sup>(2)</sup>. Hầu hết các loại máy bay hiện đại nhất như B52, F4, F105 v.v... đã

được Mỹ sử dụng vào cuộc chiến tranh, hơn 50.000 lính không quân đóng ở các căn cứ Thái Lan, Nam Việt Nam, đảo Guyam và trên các tàu chở máy bay của hạm đội 7 đã tham gia vào các chiến dịch ném bom ở Lào.

Từ năm 1964 trở đi, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh không quân và mở rộng hơn nữa cuộc chiến tranh đặc biệt ở Lào. Máy bay Mỹ hàng ngày cất cánh ném bom các căn cứ Neo Lào Hắc xạt ở Cánh Đồng Chum, Sầm Nưa và Hạ Lào. Các cố vấn thân cận của Nhà trắng, trong đó có Haixơman, đã nhấn mạnh về hai mục tiêu quan trọng của việc ném bom ở Lào: phá hoại căn cứ địa của Neo Lào Hắc xạt, đồng thời ngăn chặn giao thông của đối phương trên đường mòn Hồ Chí Minh<sup>(3)</sup>.

---

\* Ths. Nguyễn Đức Hòa, Trường CDSP Tp Hồ Chí Minh

Trong khi ra sức đẩy mạnh chiến tranh bằng không quân ở Lào vào giai đoạn 1964-1968, chính quyền Giôn-xơn lựa bịp dư luận bằng hoạt động “thị sát trên không”. Thực ra đây là những cuộc ném bom trắng trợn vào vùng giải phóng ở Thượng Lào (Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Kháng Khay, Phong Xalỳ). Từ cuối năm 1964, Mỹ tăng cường các vụ ném bom xuống vùng giải phóng Trung và Hạ Lào dưới chiêu bài “Mỹ kiểm soát những con đường thâm nhập vào Việt Nam qua đất Lào và Campuchia”. Khối lượng bom đạn Mỹ ném xuống vùng giải phóng Trung và Hạ Lào ngày một gia tăng. Như hãng thông tấn A.P. ngày 8-1-1966, đã cho biết: “Mỗi ngày có tới 300 lượt máy bay Mỹ ném gần 1000 tấn bom và rốc két xuống Trung và Hạ Lào”<sup>(4)</sup>.

Từ năm 1966, Mỹ dùng máy bay chiến lược B.52 để đánh phá vùng giải phóng. Ngoài mục đích đánh phá các mục tiêu quân sự của đối phương, Mỹ dùng bom đạn để buộc nhân dân các làng bản dồn về vùng kiểm soát, tập trung lại những khu “chấn hưng” hoặc “làng đoàn kết”.

Chiến tranh không quân Mỹ từ năm 1968 trở về sau đã tăng đến mức độ kỷ lục. Máy bay Mỹ thường xuyên yểm trợ cho các cuộc hành quân lớn nhỏ của quân đội tay sai hoặc các “lực lượng đặc biệt” ở Lào. Theo ước tính của một thượng nghị sĩ Mỹ thì số lần xuất kích của không quân Mỹ cuối năm 1968 vào khoảng 4500 lần chiếc mỗi tháng<sup>(5)</sup>.

Cuộc chiến tranh không quân của đế quốc Mỹ ở Lào là một bộ phận quan trọng

sống còn của chiến lược chiến tranh đặc biệt, để tăng cường và cứu nguy cho quân đội tay sai Mỹ ở Lào. Cuộc chiến tranh không quân của Mỹ ở Lào được mở rộng nhất vào những năm 1969-1971. Bộ trưởng ngoại giao Mỹ William Roger đã từng trắng trợn tuyên bố: Mỹ quyết tâm dùng toàn bộ lực lượng không quân cần thiết ở bất cứ nơi nào ở Đông Dương, không loại trừ quân Mỹ sẽ yểm trợ cho quân đội nam Việt Nam hoạt động trên lãnh thổ Lào<sup>(6)</sup>.

Đặc điểm nổi bật trong cuộc chiến tranh bằng không quân của Mỹ ở Lào là ở chỗ các cuộc ném bom được xem là dài nhất và rộng lớn nhất trong lịch sử đánh vào các mục tiêu dân sự. Kết quả là hầu hết các thành phố làng mạc bị tàn phá, gây thương vong lớn cho dân thường, đời sống bình thường của nhân dân bị đảo lộn, cuộc chiến tranh này nhằm vào hai khu vực:

1. Khu vực Đông Bắc từ nam Cánh đồng Chum đến biên giới Bắc Việt Nam (có khoảng 200.000 dân).

2. Khu vực Nam Lào (có khoảng 200.000-250.000 dân), và được tiến hành theo bốn giai đoạn kéo dài từ 1964 đến 1969<sup>(7)</sup>

Cuộc chiến tranh này đã ngốn phần lớn ngân sách chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Lào, theo Phoret Branman: qua những cuộc điều tra của thượng nghị viện Mỹ cho biết, mỗi tháng Mỹ tiêu đến 120 triệu đôla, mỗi năm khoảng 2 tỷ đôla cho các cuộc ném bom ở Lào<sup>(8)</sup>.

Trong những năm Nixon làm tổng thống ở Mỹ, cuộc chiến tranh của không quân Mỹ ở Lào đã tăng cường đến mức cao nhất trong lịch sử chiến tranh ở Đông Dương và Đông Nam Á: Năm 1969, số lần chiếc máy bay ở Lào ném bom tăng gấp 10 lần so với năm 1966, năm 1970 so với năm 1969 tăng 100%. Đầu năm 1971, máy bay Mỹ ném xuống Lào trung bình 3.000 tấn bom một ngày<sup>(9)</sup>. Chỉ riêng cuộc hành quân xâm lược Nam Lào vào năm 1971, chính quyền Nixon đã huy động tới 2000 máy bay các loại, mỗi ngày ném 2 500 tấn bom. Trong nhiệm kỳ đầu của Nixon, mức độ leo thang ném bom ở Lào tăng 5 lần so với nhiệm kỳ của Giôn-xơn.

Cuộc chiến tranh hủy diệt của Mỹ đã gây ra tổn thất nghiêm trọng về sinh mạng: hàng năm ở Lào có tới 30.000 người bị thương, trong đó có khoảng 10.000 người bị chết (con số khá lớn đối với một đất nước chỉ có 3 triệu dân vào thời điểm đó). Vào năm 1970, khi Mỹ dùng máy bay B52 rải thảm thì những cuộc ném bom đã trở nên rất khốc liệt, chính người Mỹ đã phải thú nhận rằng: Mỹ đã ném xuống một vùng gần bằng bang Téchát một số lượng bom đạn gấp 3 lần số bom đạn ném xuống châu Âu, châu Phi và châu Á trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, thậm chí vượt qua đỉnh cao của cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ ở bắc Việt Nam<sup>(10)</sup>.

Không quân Mỹ đã dùng những phương tiện giết người hàng loạt có tính hủy diệt, nhưng tất cả các chiến thuật

đều bị thất bại thảm hại, bị lên án khắp thế giới “hình ảnh một siêu cường quốc lớn nhất thế giới mỗi tuần giết hoặc làm trọng thương 1000 thường dân để tìm cách thuyết phục một dân tộc nhỏ bé, lạc hậu... hình ảnh ấy không đẹp để gì”<sup>(11)</sup>.

Trong cuộc chiến tranh không quân ở Lào, thì việc sử dụng chất độc hoá học của Mỹ ở Lào chính là tội ác vô nhân đạo, để lại những hậu quả thảm khốc cho nhân dân các bộ tộc Lào.

Gần như đồng thời với cuộc chiến tranh hoá học quy mô lớn nhất ở Việt Nam với mật danh là chiến dịch Ranch Hand, quân đội Hoa Kỳ đã tiến hành chiến dịch đổ với quy mô rộng lớn ở Lào. Có thể nhận thấy điều này qua bảng 1 (trang bên).

Vào cuối năm 1965, Mỹ bắt đầu chiến dịch Ranch Hand phun rải chất độc hoá học dọc hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh ở khu vực Đông và Nam Lào<sup>(13)</sup>. Vào những năm sau đó việc phun rải chất độc hoá học để triệt hạ lương thực và mùa màng của đối phương ở Lào đã trở thành một phần của sứ mệnh Ranch Hand của Mỹ<sup>(14)</sup>. Khoảng 70% diện tích của Lào là núi cao hiểm trở có rừng rậm che phủ, nên việc sử dụng bom đạn và chất khai quang trở thành phương tiện quan trọng nhất để Mỹ tiêu diệt các mục tiêu của đối phương.

Từ năm 1965 đến năm 1969, máy bay Mỹ rải chất độc hoá học với nồng độ cao xuống một số vùng ở Nam Lào, nơi chiến sự đang diễn ra ác liệt. Mục đích phun rải

chất độc hoá học là triệt hạ lương thực và phá hoại căn cứ địa của Neo Lào Hắc xạt, đồng thời ngăn chặn tiếp tế hậu cần của đối phương trên đường mòn Hồ Chí Minh. Chất độc da cam có chất dioxin được phun rải với nồng độ đậm đặc xuống mục tiêu là các khu rừng già dọc các đường giao thông Nam Lào nối với đường mòn Hồ Chí Minh.

Tại Lào, Mỹ phun rải chất xanh cực kỳ độc hại xuống các khu đất nông nghiệp để nhanh chóng triệt hạ cây trồng, diện tích bị rải khoảng 3.900 acres<sup>(15)</sup>. Trong toàn bộ chiến dịch Ranch Hand của Mỹ ở Lào, theo Arthur H. Westing tổng diện tích đất đai bị rải là 165.000 acres, chiếm 0.2% diện tích của Lào (xem bảng 1), lượng các chất diệt cỏ sử dụng ước khoảng 2% tổng số lượng các chất diệt cỏ đã sử dụng ở toàn bộ bán đảo Đông Dương<sup>(16)</sup>. Trước sự phản đối dữ dội

của dư luận thế giới chiến dịch Ranch Hand buộc phải chấm dứt vào năm 1971.

Chất độc hóa học của Mỹ đã gây ra bao đau thương thảm khốc cho nhân dân Lào. Người Lào buộc phải chịu đựng một cuộc chiến tranh huỷ diệt mà không có biện pháp gì thực sự có hiệu quả để chống lại nó, thiên nhiên, con người và các sinh vật bị nhiễm nặng trực tiếp đều bị tiêu diệt tại chỗ. Chứng tích còn lại đã và dễ thấy là môi trường sinh thái rừng nhiệt đới xanh tươi và đa dạng sinh học ở Lào trở thành đồi núi trọc hoặc đất phèn chua cần cỗi. Đánh giá về hậu quả của chiến tranh hoá học của Mỹ ở Lào, đồng chí Cayxôn Phômvihản nhận xét “Trên 4 phần 5 diện tích đất nước Lào đã bị tiêu hủy bởi chất độc hóa học, một chất độc còn gây tác hại lâu dài đối với cỏ cây và đất đai trồng trọt. Đây là nỗi đau thương của mỗi gia đình người Lào, 3

**Bảng 1:**

**Số lượng chất diệt cỏ Hoa Kỳ sử dụng trong chiến tranh Đông Dương lần thứ hai**

Khu vực	Số lượng chất diệt cỏ (1000 lít)	Diện tích bị phun nhiều lần (1000 ha)	Tỷ lệ bị rải (%)	Bình quân đầu người (lit)
Nam VN	70.720	1670	10	4.0
Bắc VN	?	?	?	?
Cămpuchia	34	1	-	-
Lào	1600	38	0.2	0.6
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.354.000 lít</b>	<b>1.709.000 ha</b>	<b>2</b>	<b>1.6</b>

Nguồn: Arthur H. Westing (1984), *Herbicides in War: The long-term Ecological and Human Consequence*, SIPRI, Taylor & Francis London and Philadelphia, p.9<sup>(16)</sup>

triệu người bị ly tán, biết bao người thân thương ngã xuống không khi nào trở lại, biết bao gia đình không được sống trong tình yêu thương đùm bọc đầm ấm”<sup>(17)</sup>.

Năm 1994 được phép của Bộ Y tế Lào, UB 10-80 đã lấy một số mẫu máu ở tỉnh Savanaket để thăm dò, qua phân tích một mẫu máu trộn phát hiện được dioxin với hàm lượng 3 pg<sup>(18)</sup>. Hậu quả của cuộc chiến tranh không quân và chiến tranh hoá học ở Lào còn lâu dài và nặng nề, tuy nhiên người ta không nên để nó rơi vào quên lãng như ở Malaixia vào những năm 1950./.

### CHÚ THÍCH

1. Arthur M.Schlesinger (1965), *A Thousand Days: John F.Kennedy in the White House*, Houghton Mifflin, Boston, pp.539-540.
2. Việt Nam Thông Tấn Xã (1971), *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Tập 2, tr. 218.
3. Roger Hilsman (1967), *To Move a Nation : The Politics of Foreign Policy in the Administration of John F.Kennedy*, Garden City, N.Y, Doubleday, p.580.
4. *Mười hai năm đế quốc Mỹ can thiệp xâm lược Lào*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1966, tr. 120.
5. Arthur J. Dommen (1964), *Conflict in Laos, the Politics of Neutralization*, Praeger, p. 286.
6. Báo *Quân Đội Nhân Dân* ngày 2/2/1971.
7. Phoret Branman (1971), “Chiến tranh của các tổng thống ở Lào”, *Quân Đội Nhân Dân* ngày 8/2/1971.
8. *Tìm hiểu Lịch sử-Văn hoá nước Lào*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 188.
9. Xuphanuvông (1971), “Học thuyết Nixon đang bị phá sản nghiêm trọng ở Lào”, *Học Tập*, 10-1971, tr. 30-31.
10. Việt Nam Thông Tấn Xã (1972), *Cuộc chiến tranh không quân của Mỹ ở Đông Dương*, Nhóm nghiên cứu về của Trường đại học Corneil, tr. 106.
11. Việt Nam Thông Tấn Xã (1971), *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Tập 2, tr. 235.
12. Arthur H. Westing (1984), *Herbicides in War: The long- term Ecological and Human Consequence*, SIPRI, Taylor & Francis London and Philadelphia, p.9.
13. Message SECSTATE to AMEMBASSY Vientiane, *Joint State-Defense Message, 250130 Z, NOV 65*, cited in Project CHECO Southeast Asia Report, Tiger Hound, Sept. 6, 1966, pp.7-8.
14. Message JCS to CINPAC, Subject : *Crop Destruction, 26640Z*, Jul 66.
15. Arthur H. Westing (1981b), “Laotian postscript”, *Nature*, London, (294), p.606.
16. Arthur H. Westing (1976), *Ecological consequences of the Second Indochina war*, SIPRI, Almqvist & Wiksell, Stockholm, p.29.
17. Cayxôn Phômvihân (1975), *Nước Lào đang tiến bước trên con đường về vang của thời đại*, Nxb Neo Lào Hắc Xạ, Bản dịch của Việt Nam Thông Tấn Xã 1975, tr.40.
18. Ủy Ban Quốc gia điều tra hậu quả chất độc hoá học dùng trong chiến tranh Việt Nam (1999), *Hậu quả các chất hoá học đã sử dụng trong chiến tranh Việt Nam 1961-1971*, Quyển II, tr. 11.